

Bản án số: 34/2021/DS-PT.

Ngày: 24/3/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngừ

Các thẩm phán: Ông Hà Văn Nâu

Bà Trần Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2021/TLPT-DS ngày 17/11/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2021/QĐ-PT ngày 06/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 219/QĐ-PT ngày 30/12/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2022/QĐPT-DS ngày 24/01/2022; thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 34a/TB-TA ngày 24/02/2022, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị Q, sinh N 1969; Nơi cư trú: Thôn Kim Tràng, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Bị đơn:** Chị Trần Thị Th, sinh N 1975; Nơi cư trú: Thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Thành Ph, sinh N 1964; trú tại: Thôn Kim Tràng, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Do chị Hoàng Thị Q đại diện theo ủy quyền.

2. Anh Lê Văn T, sinh N 1973; (có mặt)

3. Ông Trần Công K, sinh N 1952; (vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn Khánh Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

4. Công ty TNHH thức ăn sinh học Biomen - Hà Nội; Địa chỉ: Thôn Kim Tràng, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Do chị Hoàng Thị Q - Giám đốc đại diện theo pháp luật; (có mặt)

5. Công ty cổ phần Dược thú y Việt Thái; Địa chỉ: Đường 295, thị trấn cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Do ông Nguyễn Văn N - Giám đốc đại

diện theo pháp luật. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Q trình bày:

Ngày 01/10/2013, chị có cho chị Trần Thị Th vay số tiền là 440.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất không ghi vào giấy biên nhận vay tiền, có ghi ngày hẹn trả ngày 10/10/2013. Chị Th là người viết và ký vào giấy biên nhận vay tiền. Số tiền này chị trực tiếp giao tiền cho chị Th nhận bằng hình thức giao tiền mặt.

Ngày 24/02/2014, chị tiếp tục cho Th vay tiếp số tiền là 330.000.000 đồng, ngày hẹn trả là ngày 04/3/2014. Lãi suất các bên thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy biên nhận vay tiền. Theo thỏa thuận của hai bên, chị đã giao tiền bằng cách chuyển khoản cho chị Th thông qua tài khoản của bố đẻ chị Th là ông Trần Công K số tiền 300.000.000 đồng, còn số tiền 30.000.000 đồng chị trực tiếp đưa tận tay cho chị Th, chị Th là người viết và ký giấy biên nhận vay tiền khoản vay 330.000.000 đồng này.

Nay chị yêu cầu anh T, chị Th trả vợ chồng chị số tiền đã vay là 770.000.000 đồng tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền 01/10/2013 và ngày 24/02/2014, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Nguyễn Thành Ph (chồng chị Q) trình bày:

Khoảng N 2012 do quan hệ quen biết giữa hai gia đình cùng kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thời điểm đó vợ chồng chị Th, anh T đang có hợp tác xã Minh T, Ngọc Châu địa chỉ ở thôn Lộc Ninh, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Cùng là địa điểm kinh doanh ngày nào chị Th, anh T cũng chuyển tiền lấy hàng qua ngân hàng. Anh T, chị Th đã nhiều lần hỏi vay tiền của gia đình ông để kinh doanh, số tiền theo đơn khởi kiện của bà Q là do vợ chồng ông tin tưởng lên đã thế chấp các tài sản quyền sử dụng đất tại Agribank huyện Tân Yên do chị Th ký tên hợp đồng thế chấp ngày 27/7/2012, sau mỗi lần giải ngân số tiền từ tài sản thế chấp của gia đình ông đều do vợ chồng chị Th sử dụng, anh T chị Th tự tay viết giấy vay tiền và hẹn ngày trả, tất cả số tiền trong các giấy vay tiền là do bà Q và vợ chồng chị Th, anh T theo dõi, đến nay đã quá thời hạn trả, gia đình anh đã nhiều lần đòi vợ chồng chị Th, anh T nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Bị đơn, chị Trần Thị Th trình bày:

Ngày 01/10/2013, chị vay bà Hoàng Thị Q số tiền 440.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, làm ăn kinh tế. Khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền do chị ký tên ở mục “Người vay tiền ký, Th, Trần Thị Th”. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 10/10/2013, về lãi suất thì chị và bà Q thỏa thuận miệng không ghi vào giấy biên nhận vay tiền. Sau khi ký giấy vay thì bà Q đã giao cho chị số tiền mặt là 440.000.000 đồng.

Do chị và bà Q đã có quan hệ làm ăn nhiều N, tin tưởng nhau nên hai bên đã

thỏa thuận khi chị trả tiền thì có thể trả trực tiếp hoặc chuyển khoản qua Ngân hàng. Sau khi vay số tiền trên, ngày 25/11/2013 chị có gọi điện cho bà Q để trả tiền thì bà Q nói là bà không có ở nhà và bảo vợ chồng chị chuyển khoản qua Ngân hàng để bà Q rút tiền. Ngày 27/11/2013, chị gọi điện để trả tiền thì bà Q yêu cầu chị chuyển vào tài khoản của Công ty Cổ phần dược thú y Việt Thái có số tài khoản 2506119884755 tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện Tân Yên (chị không biết công ty này của ai, chị chỉ chuyển khoản theo yêu cầu của bà Q). Chị đã thực hiện giao dịch ngày 27/11/2013 tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện Tân Yên với nội dung giải ngân số tiền 320.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty cổ phần dược thú y Việt Thái để trả nợ bà Q. Sau khi giải ngân thì chị được biết bà Q đã đến Ngân hàng nông nghiệp để rút séc lấy số tiền này ra.

Ngày 24/02/2014 chị có vay bà Q số tiền 330.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, làm ăn kinh tế. Khi vay có lập giấy biên nhận vay tiền ngày 24/02/2014 do chị ký tên ở mục “Người vay tiền ký Th, Trần Thị Th”, thỏa thuận thời hạn trả là ngày 04/3/2014, về lãi suất thì chị và bà Q cũng thỏa thuận miệng không ghi vào giấy biên nhận vay tiền. Địa điểm lập giấy vay và giao tiền tại nhà bà Q, khi giao dịch chỉ có chị và bà Q, ngoài ra không có ai khác. Sau khi ký giấy vay thì bà Q không giao cho chị số tiền mặt 330.000.000 đồng ngay mà hẹn sẽ chuyển tiền qua tài khoản cho chị. Do khoản vay chị đang cần đáo hạn tại Ngân hàng nông nghiệp là khoản chị nhờ bố để chị là ông Trần Công K vay hộ, nên chị đã bảo bà Q chuyển tiền vào tài khoản của bố chị số 25062119930036 tại Ngân hàng nông nghiệp. Cùng ngày 24/02/2014, bà Q đã chuyển khoản vào tài khoản của bố chị là ông K số tiền 300.000.000 đồng và nộp trực tiếp 30.000.000 đồng vào tài khoản của bố chị. 02 giao dịch này thể hiện trong sổ phụ sao kê tài khoản của bố chị mà chị đã nộp cho Tòa án.

Ngày 28/02/2014, bố chị được đáo hạn khoản vay 1.500.000.000 đồng theo hợp đồng số 2506LAV201400884. Chị đã nhờ bố chị ký các giấy tờ để chuyển khoản số tiền được giải ngân vào ngày 28/02/2014 là 500.000.000 đồng để trả nợ cho bà Q vào mã vay 330.000.000 đồng nêu trên. Số tiền này được giải ngân vào tài khoản của Công ty TNHH thức ăn sinh học Biomen - Hà Nội có số tài khoản 2506201003336 tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện Tân Yên (đây là công ty của bà Q, có trụ sở tại thôn Kim Tràng, xã Việt Lập, huyện Tân Yên, việc chị đề nghị giải ngân vào tài khoản này cũng là theo yêu cầu của bà Q). Giao dịch này thể hiện trong Giấy nhận nợ ngày 28/02/2014 mà chị nộp cho Tòa án. Sau đó bà Q đã đến Ngân hàng nông nghiệp để rút séc lấy số tiền này ra.

Chị được biết, sau tất cả các lần vợ chồng chị chuyển tiền và giải ngân để trả nợ cho bà Q (kể cả lần chuyển vào tài khoản của Công ty thức ăn sinh học Biomen - Hà Nội và Công ty cổ phần dược thú y Việt Thái) thì bà Q đều là người nhận và rút tiền về.

Sau khi trả hết 02 khoản vay trên cho bà Q, do sơ suất và do tin tưởng bà Q là người quen biết, cùng làm ăn lâu N với vợ chồng chị nên chị cũng không yêu cầu bà Q trả lại hoặc hủy 02 Giấy biên nhận vay tiền gốc đi.

Nay chị xác định không nợ bà Q đồng nào theo giấy vay nợ trên nên bà Q khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng chị trả số tiền 770.000.000 đồng chị không nhất trí.

Anh Lê Văn T (chồng chị Th) trình bày:

Anh và bà Q, ông Ph không có quan hệ họ hàng gì, chỉ là quan hệ làm ăn. Việc vay nợ giữa vợ chồng anh và bà Q anh không ký vào giấy biên nhận vay tiền nhưng anh nắm được nội dung hai giấy biên nhận vay tiền vì trước khi vay tiền của bà Q thì chị Th có nói chuyện trao đổi với anh về nội dung vay tiền, cụ thể:

Ngày 01/10/2013, vợ chồng anh có vay của bà Q số tiền 440.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, làm ăn kinh tế. Hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền ngày 01/10/2013 do chị Th ký tên ở mục “Người vay tiền ký”, chị Th và bà Q thỏa thuận nội dung giấy vay tiền về thời hạn trả và lãi suất như thế nào thì anh không nắm được. Sau khi lập giấy biên nhận vay tiền giữa bà Q và chị Th, các bên giao dịch tiền cho nhau như thế nào thì anh không biết. Chỉ biết sau khi nhận số tiền 440.000.000 đồng vay thì chị Th có cầm số tiền trên về.

Ngày 24/02/2014, vợ chồng anh vay của bà Q số tiền 330.000.000 đồng mục đích để đáo hạn ngân hàng cho ông Trần Công K do ông K cho vợ chồng anh mượn số vay Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Tân Yên vay 330.000.000 đồng. Khi vay có lập giấy biên nhận vay tiền ngày 24/02/2014 do chị Th ký tên ở mục “Người vay tiền ký”, thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất như thế nào thì anh không nắm được. Việc lập giấy vay lần này anh cũng không có mặt. Sau khi lập giấy biên nhận vay thì chị Th có nói lại với anh bà Q bảo chuyển khoản số tiền 330.000.000 đồng vào tài khoản của ông Trần Công K, hôm sau vợ chồng anh lên Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh Tân Yên để làm thủ tục trả vào Ngân hàng để đáo sổ. Vì mã đó vợ chồng anh đáo hạn Ngân hàng là hơn 500.000.000 đồng.

Sau khi lập hai giấy vay nợ trên thì vợ chồng anh đã trả hết số tiền gốc và lãi cho bà Q, cụ thể: Ngày 27/11/2013, chị Th có nói với anh là việc chuyển khoản giữa chị Th cho Công ty cổ phần dược thú y Việt Thái số tiền 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng), do bà Q bảo chị Th chuyển vào tài khoản của Công ty này, cụ thể số tài khoản 2506201003030.

Ngày 28/02/2014, sau khi đáo hạn ngân hàng thì chị có bảo bố vợ là ông Trần Công K chuyển 500.000.000 đồng để trả nợ cho bà Q vào tài khoản của công ty Biomen.

Nay anh xác định vợ chồng anh không nợ bà Q khoản tiền gốc hay lãi nào nên anh không đồng ý trả số tiền gốc 770.000.000 đồng như bà Q đang khởi kiện.

Ông Trần Công K trình bày:

Ông và bà Q, ông Ph không có mối quan hệ gì, chị Th, anh T là con gái và con rể ông. Quá trình vay nợ giữa vợ chồng chị Th và vợ chồng bà Q ông không nắm được gì. Ngày 24/02/2014 việc chuyển khoản tại Ngân hàng nông nghiệp giữa bà Hoàng Thị Q và ông số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) thì việc này do ông cho nhà anh T, chị Th

mượn tài khoản của ông để chuyển tiền giữa ông và bà Q để chị Th, anh T sử dụng số tiền này.

Ngày 05/3/2014 việc chuyển khoản từ tài khoản của ông cho Công ty TNHH thức ăn sinh học Biomen - Hà Nội số tiền chuyển khoản 500.000.000 đồng ông cũng không nắm được. Vì do ông cho anh T, chị Th mượn tài khoản của ông để giao dịch, thực chất số tiền này là của anh T, chị Th chuyển trả nợ cho bà Q theo yêu cầu của bà Q là chuyển vào tài khoản của Công ty trên. Còn công ty này do ai chủ tài khoản và địa chỉ của công ty thì ông không nắm được. Tại giấy nhận nợ ngày 05/3/2014 do ông đứng nhận vay nợ cho anh T, chị Th vì ông cho anh T, chị Th mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp Ngân hàng nông nghiệp vay các khoản nợ để làm ăn kinh tế gia đình. Nên ông đã ký vào mục trong giấy nhận nợ người vay “K, Trần công K”. Việc vay 500.000.000 đồng của Ngân hàng nông nghiệp này thì cùng ngày ông chuyển số tiền này cho Công ty TNHH Thức ăn sinh học Biomen - Hà Nội. Nội dung trả tiền mua hàng trong giấy chuyển khoản là theo yêu cầu của Ngân hàng, nhưng thực chất nhà bà Q không có gì để bán, do Ngân hàng yêu cầu ghi vậy thì ông ghi, đó là số tiền anh T, chị Th trả nợ cho bà Q.

Nay bà Q khởi kiện yêu cầu anh T, chị Th trả bà Q số tiền còn nợ là 770.000.000 đồng quan điểm của ông là anh T, chị Th đã trả bà Q hết số tiền trên thể hiện ở các tài liệu chứng từ chuyển trả trong đó có một mục ông chuyển trả 500.000.000 đồng ngày 05/3/2014 cho bà Q vào tài khoản Công TNHH Thức ăn sinh học Biomen - Hà Nội theo yêu cầu của bà Q, đề nghị Tòa án xác minh làm rõ mục chuyển khoản số tiền trên của ông là ai đã nhận số tiền này, nếu bà Q là người nhận số tiền trên thì đề nghị Tòa án trừ vào việc đòi nợ của bà Q cho anh T, chị Th.

Với những nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự N 2005;

Khoản 1, 3 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Q về việc: Buộc chị Trần Thị Th, anh Lê Văn T phải trả số tiền là 770.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm trả cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2021 chị Hoàng Thị Q kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc chị Th, anh T phải trả chị số tiền 770.000.000đ

Ngày 04/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên kháng nghị bản án nên trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang sửa án sơ thẩm theo hướng buộc chị Th, anh T phải trả chị Q số tiền 770.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang giữ nguyên kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn trình bày:

+ Đối với số tiền 500.000.000đ ông K chuyển vào công ty Biomen Hà Nội ngày 05/3/2014, chị là người rút tiền nhưng đến ngày 06/3/2014 chị đã nộp lại số tiền này vào công ty Biomen. (có phiếu thu ngày 06/3/2014, có chữ ký của ông Chủ Văn Hợp – Phó giám đốc; Nguyễn Thị Huệ - Kế toán; Nguyễn Thị Lan – Thủ quỹ). Vì vậy, số tiền này là tiền ông K trả tiền mua hàng của công ty Biomen Hà Nội chứ không phải tiền chị Q trả cho chị.

+ Đối với số tiền 320.000.000đ chị Th chuyển vào công ty Việt Thái, chị là người rút tiền nhưng đây là tiền của chị Th trả tiền mua hàng của công ty Việt Thái. Do công ty Việt Thái còn nợ chị số tiền 450.000.000đ (anh Nguyễn Văn N viết giấy nhận nợ) nên chị rút số tiền này là của công ty Việt Thái trả nợ chị.

Do đó chị đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, buộc vợ chồng chị Th, anh T trả số tiền 770.000.000đ

+ Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Th và anh T trình bày: Vợ chồng chị cũng như ông Trần Công K không có quan hệ làm ăn gì, cũng không mua bán gì với các công ty Biomen Hà Nội và công ty Việt Thái. Việc ông K chuyển 500.000.000đ vào công ty Biomen Hà Nội và chị Th chuyển 320.000.000đ vào công ty Việt Thái là để trả nợ cho chị Q và theo yêu cầu của chị Q. Do tin tưởng nhau nên không hủy các giấy vay tiền đã ký. Anh chị xác định đã trả hết nợ cho chị Q, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, HĐXX và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị Q, sửa bản án sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên theo hướng buộc vợ chồng chị Th, anh T trả cho chị Q 708.650.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về tính hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo đảm bảo hình thức và đúng thời hạn; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên có kháng nghị đúng theo quy định tại các Điều 273, 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2]. Xét nội dung kháng cáo, HĐXX thấy rằng:

Chị Hoàng Thị Q đề nghị Tòa án buộc vợ chồng chị Th, anh T trả số tiền 770.000.000đ vay vào các ngày 01/10/2013 và 24/10/2014.

Chị Th, anh T cho rằng đã trả số tiền nợ như trên bằng các lần chuyển khoản cụ thể sau:

- + Ngày 27/11/2013 chị Th chuyển 320.000.000đ vào công ty Việt Thái;
- + Ngày 05/3/2014 ông Trần Công K chuyển 500.000.000đ vào công ty Biomen Hà Nội.

Các đương sự đều khẳng định các khoản vay trong vụ án không liên quan đến khoản nợ nào khác.

Về số tiền 320.000.000đ do chị Th chuyển vào tài khoản công ty Việt Thái và 500.000.000đ do ông K chuyển khoản vào công ty Biomen, HĐXX thấy rằng:

[2.1]. Đối với số tiền 320.000.000đ chị Th chuyển vào Công ty Việt Thái ngày 27/11/2013, chị Q là người rút số tiền nêu trên cùng ngày.

Chị Q cho rằng đây là tiền của Công ty Việt Thái trả cho chị vì trước đó giữa chị và Công ty Việt Thái có việc vay mượn (ông giám đốc công ty Nguyễn Văn N đã viết giấy nhận nợ 450.000.000 đồng). Tuy nhiên, chị Q không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh chị Th có liên quan gì đến Công ty Việt Thái, cũng không có chứng cứ gì về việc chị Th mua bán hàng hóa hoặc trả nợ Công ty Việt Thái. Do đó không thể lấy tiền của chị Th để trả cho số nợ của Công ty Việt Thái.

Hơn nữa, các chứng cứ có trong vụ án xác định được là chị Q rút số tiền do chị Th chuyển trong ngày. Điều này cho thấy giữa chị Th và chị Q có liên lạc, thông tin về việc chuyển tiền vào tài khoản của công ty Việt Thái. Vì vậy lời khai của chị Th là gọi điện cho chị Q để trả tiền thì chị Q bảo chuyển vào tài khoản công ty Việt Thái là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền do chị Th chuyển vào tài khoản công ty Việt Thái là tiền chị Th trả nợ cho chị Q là có căn cứ.

[2.2]. Đối với số tiền 500.000.000đ ông K chuyển vào Công ty Biomen – Hà Nội ngày 05/3/2014.

HĐXX thấy rằng, cả ông K và vợ chồng chị Th, anh T khai đây là tiền trả chị Q. Chị Q thừa nhận đã rút tiền nhưng sau đó chị về nộp lại cho bộ phận thủ quỹ của Công ty Biomen. Bằng chứng là phiếu thu ghi ngày 06/3/2014 (BL369) chị đã cung cấp cho Tòa án. Chị Q khai sau khi rút hết số tiền do ông K chuyển ngày 05/3/2014 thì ngày 06/3/2014 chị nộp lại cho công ty Biomen. Tuy nhiên, phiếu thu do chị Q giao nộp không đúng với phiếu thu thông thường của doanh nghiệp. Trong phiếu thu ghi: “Họ tên người nhận tiền: Trần Công K”, ông K không nhận tiền gì của công ty Biomen, cũng không phải là người nộp tiền vào công ty. Theo phiếu thu thông thường của các doanh nghiệp thì người nộp tiền trong trường hợp này là chị Q và người nhận tiền là chị Lan.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q không cung cấp được chứng cứ để chứng minh ông K có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty Biomen trị giá 500.000.000đ. Chị Q cho rằng do đã lâu và qua nhiều đời giám đốc

nên chị không cung cấp được hợp đồng nhưng lại có “phiếu thu” cùng N đó nộp cho Tòa án.

Hơn nữa, theo chứng cứ thu thập từ Chi cục thuế khu vực Tân Yên – Yên Thế cung cấp thì thấy, lượng hàng hóa mua vào trong kỳ tháng 3 của công ty Biomen là 88.931.564đ; lượng hàng hóa bán ra trong kỳ tháng 3 là 31.577.000đ. Tương tự như vậy, lượng hàng hóa mua vào, bán ra của công ty Biomen trong tháng 4, 5 cũng không có mã nào 500.000.000đ như chị Q khai.

Từ những nhận định như trên, HĐXX thấy rằng “Phiếu thu” do chị Q giao nộp không có giá trị chứng minh đã nộp tiền vào công ty Biomen, đồng thời cũng không có việc mua bán hàng hóa gì giữa công ty Biomen và ông Trần Công K.

Chị Q đã trực tiếp rút tổng số tiền 820.000.000đ của chị Th và ông K chuyển khoản vào công ty Việt Thái và công ty Biomen. Số tiền này lớn hơn số nợ 770.000.000đ mà chị Q yêu cầu chị Th, anh T phải trả. Lời khai của chị Th, anh T, ông K phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đủ cơ sở xác định chị Th, anh T đã trả xong cho chị Q số tiền 770.000.000đ theo 2 giấy vay ngày 01/10/2013 và giấy vay ngày 24/02/2014.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy rằng tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó kháng cáo của chị Q và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử.

[2.3]. Về án phí DSPT: Do kháng cáo của chị Q không được chấp nhận nên phải chịu án phí DSPT theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị Q, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã xử.

2. Về án phí DSPT: Chị Hoàng Thị Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011264 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên

Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án nhân dân huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ

